TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ- ST
Ngày 06-5- 2019
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Lê Thị Hồng Khiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Trần Quốc H1, sinh năm 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Người làm chứng:

1. Bà LC1, sinh năm 1953 (mẹ đẻ anh H1), có mặt

Địa chỉ: Tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bà LC2, sinh năm 1963 (mẹ đẻ chị H), có mặt

Địa chỉ: Thôn x, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trịnh Quốc Huy được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai vào ngày 15/7/2010. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H1 tại Tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Hàng ngày chị đi làm công nhân tại công ty X, anh H1 lái máy xúc ở Quảng Ninh. Ngày 20/6/2011 chị sinh cháu Trần Nguyên N, sau khi sinh con được 02 tháng, chị xin phép mẹ chồng và chuyển lên nhà bố mẹ đẻ chị ở tỉnh Lào Cai sinh sống. Vì con nhỏ nên chị ở nhà chăm con, anh H1 vẫn tiếp tục công việc lái máy xúc thuê tại các tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Thời gian đầu anh H1 về thăm mẹ con chị một năm 3-4 lần và có đưa cho chị ít tiền nuôi con. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến đầu năm 2014, chị phát hiện ra anh H1 chơi bời cờ bạc, rượu chè, thỉnh thoảng anh về thăm mẹ con chị nhưng không đưa tiền nuôi con và lần nào về nhà cũng rượu chè say sỉn. Chị hỏi thì anh nói công ty không cho ứng lương nhưng qua bạn bè của anh H1 chị biết công ty vẫn trả lương nhưng do anh H1 chơi bời, cờ bạc nên nợ nần nhiều. Sau đó có một số người đến chỗ chị ở để đòi tiền của anh H1 nợ họ. Chị và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần, anh H1 hứa sẽ thay đổi nhưng được một thời gian ngắn rồi đâu lại vào đấy. Mỗi lần gặp nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Sau khi vợ chồng sống ly thân chị vẫn vài lần về thăm bố mẹ chồng. Hiện tại bố chồng chị đã chết, ở quê chỉ còn mẹ chồng chị và chị Trần Thị G. chị gái anh H1. Gia đình nhà chồng chị cũng đã khuyên nhủ anh H1 rất nhiều để anh bỏ cờ bạc, chăm lo vợ con nhưng anh H1 không thay đổi. Anh H1 vẫn lái máy xúc thuê thi thoảng có về thăm con hoặc liên lạc với chị để hỏi thăm về con nhưng chị hỏi anh làm ở đâu thì anh không nói địa chỉ cụ thể và nói làm cho công ty nào. Chị có thông báo cho anh H1 biết chị làm đơn ly hôn, anh nói đồng ý ly hôn nhưng vì công việc làm thuê anh không về được, tùy Tòa giải quyết và bao giờ giải quyết xong anh về lấy trích lục. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1 để 02 mẹ con chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Trần Nguyên N, sinh ngày 20/6/2011. Cháu N ở cùng với chị từ nhỏ đến nay, nếu ly hôn chị xin nuôi cháu và không yêu cầu anh H1 đóng góp nuôi con chung. Hiện nay chị buôn bán quần áo tại chợ Lào Cai thu nhập trung bình khoảng 10 đến 15.000.000đ/ tháng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập anh H1 nhiều lần nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường Đồng Xuân nơi anh H1 có hộ khẩu thường trú, lấy lời khai của bà LC1 là mẹ đẻ anh H1 và qua bản tự khai của chị Trần Thị G là chị gái anh H1 được biết quá trình kết hôn, chung sống, con chung và mâu thuẫn vợ chồng anh H1 chị H như chị H trình bày là đúng.

Tại phiên tòa, bà LC1 trình bày: vợ chồng anh H1 chị H ban đầu sống hạnh phúc, sau này thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc vì anh H1 không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ anh H1, mong anh tu chí làm ăn và có trách nhiệm với vợ con nhưng anh H1 không thay đổi. Chị H thi thoảng vẫn về thăm bà và quan hệ với gia đình nhà chồng rất tốt. Anh H1 thỉnh thoảng điện thoại về cho bà và bà có thông báo cho anh H1 biết việc chị H làm đơn xin ly hôn, anh H1 nhờ bà và chị Nga ở nhà nhận hộ anh các thông báo của Tòa án và báo cho anh biết để anh nắm được quá trình giải quyết vụ án. Do điều kiện công việc làm ăn xa nên anh không thể về để giải quyết ly hôn được, quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn. Hiện nay bà cũng không biết anh H1 làm cho công ty nào và địa chỉ cụ thể ở đâu vì bà hỏi địa chỉ cụ thể thì anh nói nay làm công trình này, mai làm công trình khác không cố định nên không có địa chỉ cụ thể. Số điện thoại của anh chỉ bà và chị Nga gọi anh nghe máy còn người lạ gọi anh không nghe.

Về tài sản và vay nợ: Vợ chồng anh chị có tài sản gì bà không nắm được, anh chị không vay nợ gì của bà.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Nguyên N, sinh ngày 20/6/2011, cháu N trình bày: Bố cháu rất ít khi về thăm mẹ con cháu, mỗi lần bố cháu về

thường say rượu và bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau , sống với nhau không hạnh phúc. Mẹ cháu làm đơn ly hôn bố cháu, cháu đề nghị tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng mẹ vì cháu ở với mẹ từ trước đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai của bà LC2 là mẹ đẻ chị H, cũng như tại phiên tòa bà LC2 trình bày: Gia đình bà tổ chức hôn lễ cho chị H và anh H1 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai vào ngày 15/7/2010. Tổ chức xong chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H1 tại tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ năm 2014, bà thấy anh chị sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh H1 làm công nhân lái máy xúc nhưng không chỉnh chu làm ăn , thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều, anh H1 không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con. Anh H1 thỉnh thoảng cũng liên lạc với chị H nhưng bà chỉ nghe được những cuộc chửi bới nhau trên điện thoại cũng như mỗi dịp anh H1 về thăm nhà. Bà được biết chị H xin ly hôn, bà cũng không muốn vợ chồng phải ly hôn nhưng bà thấy anh chị sống không hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh H1 và cho chị Hiệp tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Nguyên N vì cháu Hùng ở cùng với chị H từ nhỏ đến nay. Về tài sản và vay nợ: Vợ chồng anh chị có tài sản gì bà không nắm được, anh chị không vay nợ gì của bà.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Quốc H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nguyên N sinh ngày 20/6/2011. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn

3. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh H1. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Quốc H1, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú tại: Tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì Tòa án đã thông báo và niêm yết giấy báo cho anh H1 nhưng anh H1 vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Trần Quốc H1, Hội đồng xét xử thấy: Chị Hiệp và anh H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai vào ngày 15/7/2010, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh H1 không ra tòa án trình bày quan điểm nhưng những lần Tòa án gửi thông báo hay giấy triệu tập, anh đều được mẹ đẻ và chị gái thông báo nhưng anh không về và nói với mẹ đẻ và chị gái là đồng ý ly hôn

nhưng do điều kiện công việc xa xôi, đi lại khó khăn nên anh không về tòa án giải quyết ly hôn được.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã xác minh tại địa phương, và lấy lời khai của cháu Trần Nguyên N cũng như lời khai bà LC1 và chị G (là mẹ đẻ và chị gái anh H1), lấy lời khai bà Thuận (mẹ đẻ chị Hiệp) xác định vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của chị H xin ly hôn với anh H1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Trần Nguyên N, sinh ngày 20/6/2011. Hiện cháu N đang ở cùng với chị H. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu N và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy chị H có đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu N xin ở cùng mẹ nên giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nguyên N, sinh ngày 20/6/2011 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị H không yêu cầu, anh H1 không ra tòa thể hiện quan diểm nên Hội đồng xét xử không buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về quyền thăm non con chung sau ly hôn, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này anh H1 có yêu cầu thì giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Quốc H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nguyên N sinh ngày 20/6/2011. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ tiền, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0004022 ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị Yến đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh